

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 3541/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 484/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh 230 danh mục công trình, dự án; tổng số vốn 440.505,98 triệu đồng từ Kế hoạch đầu tư công năm 2025. Điều chỉnh 26 danh mục công trình, dự án; tổng số vốn 35.008,386 triệu đồng từ Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh như sau:

1.1. Huyện Than Uyên

- Điều chỉnh 33 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 75.334,6 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Than Uyên quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

- Điều chỉnh 16 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 là 8.346,985 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Than Uyên quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

1.2. Huyện Tân Uyên

Điều chỉnh 55 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 63.273 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Tân Uyên quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

1.3. Huyện Tam Đường

Điều chỉnh 18 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 59.579 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Tam Đường quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

1.4. Thành phố Lai Châu

- Điều chỉnh 05 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 72.411,51 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do thành phố Lai Châu quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

- Điều chỉnh 01 danh mục dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 là 11.763,7 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do thành phố Lai Châu quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

1.5. Huyện Phong Thổ

Điều chỉnh 29 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 53.666 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Phong Thổ quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

1.6. Huyện Sìn Hồ

- Điều chỉnh 19 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 54.635,1 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Sìn Hồ quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

- Điều chỉnh 04 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 là 8.856,486 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Sìn Hồ quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

1.7. Huyện Nậm Nhùn

- Điều chỉnh 17 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 22.559 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Nậm Nhùn quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

- Điều chỉnh 02 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 là 4.508,171 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Nậm Nhùn quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

1.8. Huyện Mường Tè

- Điều chỉnh 54 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2025 là 39.047,77 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Mường Tè quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

- Điều chỉnh 03 danh mục công trình, dự án; tổng kế hoạch vốn năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 là 1.533,044 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương do huyện Mường Tè quản lý vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

*(Chi tiết theo biểu số 01; 01.1; 02; 03; 04; 04.1; 05; 06; 06.1; 07; 07.1; 08; 08.1
đính kèm)*

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý giao cho cấp huyện thực hiện

Điều chuyển chủ đầu tư, giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và tiếp tục triển khai thực hiện đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý.

(Chi tiết theo biểu số 09 đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Giàng Páo Mỹ**



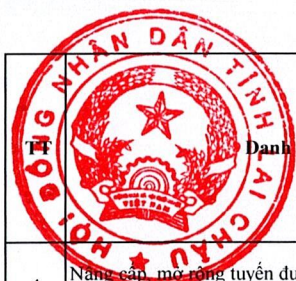
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HUYỆN THANH UYÊN ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
	TỔNG SỐ				223.058	153.234	75.334,60			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				63.400	63.400	21.819,00			
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				19.800	19.800	6.090,80			
1	Xây dựng khối phòng học tập, khối phòng hành chính, các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Mường Cang	Mường Cang	2024-2025	4329/30.11.2023	4.500	4.500	1.424	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ (các điểm trường) Trường Mầm non xã Mường Than	Mường Than	2024-2025	4330/30.11.2023	4.000	4.000	1.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường nội thị: Đường Trần Quốc Mạnh; Đường Thanh Niên (đoạn từ trường THPT Than Uyên đến cuối hồ trung tâm huyện); Đường từ QL32 đi khu đấu giá đất tại khu 8 thị trấn Than Uyên	thị trấn Than Uyên	2025-2026		3.500	3.500	869	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
4	Xây dựng nhà làm việc Văn phòng Huyện uỷ huyện Than Uyên	thị trấn Than Uyên	2024-2025	110/22.01.2024; 2400/12.9.2024	7.800	7.800	2.797,8	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
b	Dự án khởi công mới năm 2025				43.600	43.600	15.728,20			
1	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên sân vận động huyện Than Uyên	thị trấn Than Uyên	2025-2026	3051/25.11.2024	6.000	6.000	3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL32 vào Huyện uỷ và UBND huyện Than Uyên	thị trấn Than Uyên	2025	3052/25.11.2024	1.500	1.500	1.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
3	Cải tạo, nâng cấp hội trường trung tâm UBND huyện Than Uyên	thị trấn Than Uyên	2025	3053/25.11.2024	1.800	1.800	101	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	

(Handwritten signature)



</



Chữ ký



<



<

[Handwritten signature]



Biểu số 01.1

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 CỦA HUYỆN THAN UYÊN
ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số **56** /NQ-HĐND ngày **23** tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	Tổng số				66.080	31.121	8.346,985			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				7.000	2.000	551,162			
1	Xây dựng nhà văn hóa xã Mường Than	Mường Than	2024-2025	2471/24.9.2024	3.500	500	193,067	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Đường sản xuất từ Tàng Lóng - Huổi Luông - Đông Mạt - Phiêng Mạt bản Gia xã Ta Gia	Ta Gia	2023-2025	4382/02.12.2022; 3493/31.12.2024	3.500	1.500	358,095	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
II	Nguồn hỗ trợ để xây dựng huyện nông thôn mới				33.094	12.783	1.963,48			
1	Làm hệ thống trụ nước, bể nước và bến lấy nước phục vụ công tác chữa cháy trên địa bàn huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2024-2025	3927/17.11.2023	2.400	800	407,952	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép MTQG NTM
2	Nhà thư viện huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2024-2025	3928/17.11.2023	3.300	1.100	636,443	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép MTQG NTM
3	Đường giao thông vùng chè xã Pha Mu, Tà Hừa huyện Than Uyên	Pha Mu, Tà Hừa	2022-2024	1755/04.8.2022; 3494/31.12.2024	12.400	4.980	326,609	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Nâng cấp hệ thống thủy lợi xã Phúc Than, Hua Nà, Tà Mung, Mường Kim huyện Than Uyên	Phúc Than, Hua Nà, Tà Mung, Mường Kim	2022-2024	1756/04.8.2022; 3495/31.12.2024	14.994	5.903	519,881	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Đường giao thông vùng Quế các xã Mường Mít, Mường Kim, Ta Gia huyện Than Uyên	Ta Gia	2022-2024	1759.04.8.2022; 3496/31.12.2024	1.550	623	72,592	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Nguồn vốn thu sử dụng đất				7.500	1.540	467,54			
	Mở rộng hành lang QL32 đoạn khu 10 thị trấn Than Uyên; bản Cẩm Trung 1, bản Mường xã Mường Than; bản Nà Xa xã Phúc Than huyện Than Uyên	Mường Than, Phúc Than, thị trấn Than Uyên	2024-2026	2472/24.9.2024	7.500	1.540	467,538	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
IV	Kinh phí hỗ trợ huyện hoàn thành chương trình nông thôn mới, các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025				11.700	8.512	3.267,72			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
1	Xây dựng bãi tập kết rác thải xã Tà Mung	Tà Mung	2024-2025	114/22.01.2024; 3499/31.12.2024	1.000	1.000	794,289	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Xây dựng bãi tập kết rác thải xã Khoen On	Khoen On	2024-2025	115/22.01.2024; 3499/31.12.2024	1.000	1.000	552,891	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Xây dựng bãi tập kết rác thải xã Tà Hừa	Xã Tà Hừa	2024-2025	116/22.01.2024; 3499/31.12.2024	1.000	1.000	381,188	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Xây dựng bãi tập kết rác thải xã Pha Mu	Pha Mu	2024-2025	117/22.01.2024; 3499/31.12.2024	1.000	1.000	212,497	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Mở rộng, sửa chữa đường nội đồng bản Nà Dân xã Mường Kim	Mường Kim	2024-2025	118/22.01.2024	2.500	2.500	1.095,482	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
6	Nâng cấp đường giao thông liên xã Tà Mung đi Khoen On, huyện Than Uyên	Tà Mung	2023-2024	785/21.03.2023	5.200	2.012	231,372	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
V	Nguồn vốn bồi hoàn cho công trình bị ảnh hưởng của việc thi công nhà máy thủy điện Mường Kim 3, xã Mường Kim				3.286	3.286	297,089			
	Hoàn trả kè bảo vệ dân cư, đất nông nghiệp suối Nậm Kim do ảnh hưởng dự án thủy điện Mường Kim 3 xã Mường Kim, huyện Than Uyên	Mường Kim	2024	123/22.01.2024; 3497/31.12.2024	3.286	3.286	297,089	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VI	Nguồn vốn UBND thành phố Hà Nội hỗ trợ tỉnh Lai Châu thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội				3.500	3.000	1.800,00			
	Xây dựng nhà văn hóa xã Mường Than	Mường Than	2024-2025	2471/24.9.2024	3.500	3.000	1.800,00	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HUYỆN TÂN UYÊN ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
	TỔNG CỘNG				245.984	160.001	63.273			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				88.300	55.744	19.059,0			
a	Dự án đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023				18.500	14.003	2.001			
	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2021-2023	43/22.01.2021; 2806/15.11.2023	18.500	14.003	2.001	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
b	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024				23.500	15.140	7.762			
1	Trường MN xã Phúc Khoa - Điểm trung tâm	Phúc Khoa	2023-2024	204/28.02.2023	8.500	4.250	4.262	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Các hạng mục phụ trợ Khu văn hóa thể thao huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2023-2024	1528/28.7.2023	5.000	3.850	1.500	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	Phúc Khoa	2022-2023	2120/06.12.2021	8.000	5.500	1.500	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
4	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang thị trấn Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2023-2024	206/28.02.2023 1168/19.6.2024	2.000	1.540	500	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
c	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				37.000	19.000	5.542			
1	Trường MN xã Thân Thuộc - Điểm trung tâm	Thân Thuộc	2024-2025	4967/29.12.2023	6.500	3.750	278	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Trường PTDTBT tiểu học xã Mường Khoa - Điểm trung tâm	Mường Khoa	2024-2025	4969/29.12.2023	8.500	4.250	582	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Trường THCS xã Nậm Cắn	Nậm Cắn	2024-2025	4968/29.12.2023	7.500	3.750	278	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	

[Handwritten signature]



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
4	NC đường Hua Cản - Hua Tra Nội xã Nậm Cản	Nậm Cản	2024-2025	4970/29.12.2023	14.500	7.250	4.404	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
d	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025				9.300	7.601	3.754			
1	Trường MN xã Nậm Sỏ - Điểm trung tâm xã Nậm Sỏ	Nậm Sỏ	2024-2026	2080/07.10.2024	6.800	5.560	2.479	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	NC, sửa chữa CNSH xã Tà Mít	Tà Mít	2024-2026	1967/27.9.2024	2.500	2.041	1.275	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
II	Thu sử dụng đất				96.733	50.779	28.000			
II.1	Thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; Quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết				24.253	13.813	4.509			
1	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2018-2023	1548/30.11.2017; 58/20.01.2020; 1372/23.12.2021	10.504	4.467	785	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm (giai đoạn 2022-2025) huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	2021-2025	1561/13.10.2021; 2322/29.9.2023; 1490a/12.7.2024	1.936	1.936	245	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các tổ chức, cá nhân tại 04 xã, thị trấn: Pắc Ta, Thân Thuộc, Trung Đồng và thị trấn Tân Uyên của huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2024-2026	2311/05.11.2024	5.976	3.590	1.695	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Lập Quy chế quản lý Kiến trúc đô thị thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Tân Uyên, Trung Đồng, Phúc Khoa, Thân Thuộc	2024-2025	387/19.3.2024	800	800	424	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Sở Xây dựng	
5	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035	Thị trấn Tân Uyên, Trung Đồng, Pắc Ta, Thân Thuộc	2024-2025	78/19.01.2024	5.037	3.020	1.360	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Sở Xây dựng	
II.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng				72.480	36.966	12.480			
a	Dự án đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023				18.500	4.497	86			





ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
III	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, chuyển nguồn,...ngân sách huyện quản lý				60.952	53.478	16.214			
III.1	Nguồn kinh phí hỗ trợ các huyện để hoàn thành các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 (Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM)				36.416	29.203	8.400			
a	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng				18.150	17.673	3.002			
1	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2022-2023	2119/06.12.2021	12.000	12.000	1.459	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Xây dựng tuyến phố văn minh thị trấn Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2023-2024	1526/28.7.2023	3.000	2.748	1.124	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
3	Nhà văn hóa bản Hua Pầu thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2023-2024	217/23.10.2023	650	425	25	UBND thị trấn Tân Uyên	UBND xã Tân Uyên (mới)	
4	Đường sản xuất bản Hua Phường, xã Nậm Cắn	Nậm Cắn	2023-2024	92/29.5.2023	1.200	1.200	49	UBND xã Nậm Cắn	UBND xã Tân Uyên (mới)	
5	Xây dựng bến thuyền và bãi đỗ xe xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên	Nậm Cắn	2023-2024	125/12.9.2023	1.300	1.300	345	UBND xã Nậm Cắn	UBND xã Tân Uyên (mới)	
b	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2025				17.300	11.064	4.933			
1	Trường tiểu học xã Trung Đồng - Điểm trung tâm	Trung Đồng	2022-2024	2121/06.12.2021; 336/30.3.2023; 2651/18.11.2024	9.000	2.764	2.764	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
2	Đường nội thị, nội bản, nội đồng thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2023-2025	215/23.10.2023; 46/12.3.2025	5.000	5.000	1.450	UBND thị trấn Tân Uyên	UBND xã Tân Uyên (mới)	
3	Đường nội bản Hòa Hợp thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2024-2025	159/14.8.2024	400	400	70	UBND thị trấn Tân Uyên	UBND xã Tân Uyên (mới)	
4	Sửa chữa, nâng cấp đường vùng chè Nà Lại, Nà Khoang	Phúc Khoa	2023-2024	694/29.12.2023	1.400	1.400	280	UBND xã Phúc Khoa	UBND xã Mường Khoa (mới)	
5	Đường vùng chè SX bản Phúc Khoa - Nậm Bon	Phúc Khoa	2023-2024	695/29.12.2023	1.500	1.500	369	UBND xã Phúc Khoa	UBND xã Mường Khoa (mới)	

[Handwritten signature]



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP			
c	Dự án khởi công mới năm 2025				966	466	465		
1	Nâng cấp đường nội bản Phiêng Áng	Nậm Cắn	2025	278/14.11.2024; 54/11.3.2025	966	466	465	UBND xã Nậm Cắn	UBND xã Tân Uyên (mới)
III.2	Tăng thu ngân sách				14.252	13.991	6.646		
a	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024				1.695	1.590	470		
1	Nâng cấp đường nội bản Phiêng Phát	Trung Đồng	2024	430/20.11.2023	763	658	158	UBND xã Trung Đồng	UBND xã Tân Uyên (mới)
2	Nhà văn hóa bản Hua Cướm 1, xã Trung Đồng	Trung Đồng	2024-2025	432/20.11.2023	402	402	112	UBND xã Trung Đồng	UBND xã Tân Uyên (mới)
3	Nhà văn hóa bản Tát Xôm 3, xã Trung Đồng	Trung Đồng	24-24	572/21.10.2024	530	530	200	UBND xã Trung Đồng	UBND xã Tân Uyên (mới)
b	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2025				6.385	6.315	3.757		
1	Đường nội thị, nội bản, nội đồng thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	2023-2025	215/23.10.2023; 46/12.3.2025			676,3	UBND thị trấn Tân Uyên	UBND xã Tân Uyên (mới)
2	Sửa chữa, nâng cấp đường vùng chè Nà Lại, Nà Khoang	Phúc Khoa	2023-2024	694/29.12.2023			53,0	UBND xã Phúc Khoa	UBND xã Mường Khoa (mới)
3	Đường vùng chè SX bản Phúc Khoa - Nậm Bon	Phúc Khoa	2023-2024	695/29.12.2023	1.500	1.500	75	UBND xã Phúc Khoa	UBND xã Mường Khoa (mới)
4	Nâng cấp đường nội đồng bản Phương Nam, xã Mường Khoa	Mường Khoa	2024-2025	522/05.11.2024	850	850	545,0	UBND xã Mường Khoa	UBND xã Mường Khoa (mới)
5	Nhà văn hóa bản Nà Pè, xã Mường Khoa	Mường Khoa	2024-2025	521/05.11.2024	570	500	192	UBND xã Mường Khoa	UBND xã Mường Khoa (mới)
6	Sửa chữa nâng cấp NSH bản Tà Hừ, xã Hồ Mít	Hồ Mít	2024-2025	440/08.11.2024	595	595	276	UBND xã Hồ Mít	UBND xã Pắc Ta (mới)
7	Sửa chữa nâng cấp NSH Khâu Giềng B, C, xã Hồ Mít	Hồ Mít	2024-2025	439/08.11.2024	630	630	326	UBND xã Hồ Mít	UBND xã Pắc Ta (mới)
8	Nâng cấp đường sản xuất bản Tân Bắc, xã Pắc Ta	Pắc Ta	2024-2025	297/11.10.2024	1.300	1.300	984	UBND xã Pắc Ta	UBND xã Pắc Ta (mới)
9	Nhà văn hóa bản Ngọc Lại, xã Phúc Khoa	Phúc Khoa	2024-2025	165/05.11.2024	940	940	630	UBND xã Phúc Khoa	UBND xã Mường Khoa (mới)







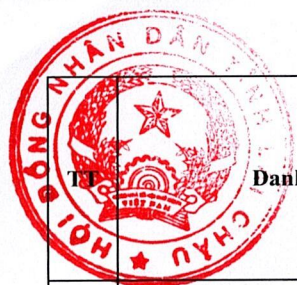
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HUYỆN TAM ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP			
	TỔNG SỐ				126.805	77.393	59.579,0		
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				49.900	40.850	21.567,0		
a	Dự án chuyển tiếp				43.900	34.850	19.807,0		
1	Đường nội đồng bản Nà Đa	Thị trấn Tam Đường	2024-2025	3457/04.12.2023	2.400	2.400	1.900,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông
2	Đường nội đồng bản Chũ Lìn	Hồ Thầu	2024-2025	3458/04.12.2023	3.700	3.700	3.200,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông
3	Hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất đường 36 đối diện công ty Đất hiếm, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	2024-2025	1899/14.8.2024	1.500	1.500	900,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
4	Cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ hồ Mường Lự, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	24-26	3456/04.12.2023	7.900	7.900	6.097,565	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
5	Trụ sở làm việc Thị trấn Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	2023-2024	4063/12.12.2022	13.900	13.900	4.259,435	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
6	Nhà hiệu bộ 2 tầng 8 phòng; nhà lớp học 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ, xã Nà Tăm, huyện Tam Đường	Nà Tăm	2024-2025	3459/4.12.2023; 2571/19.11.2024	14.500	5.450	3.450,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
b	Dự án khởi công mới năm 2025				6.000	6.000	1.760,0		

Handwritten signature in blue ink.



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
	Nước sinh hoạt bản Phìn Ngan Lao Chải - Phìn Ngan Xin Chải	Tả Lềng	2025-2026	2620a/26.11.2024	6.000	6.000	1.760,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
II	Nguồn hỗ trợ để xây dựng huyện nông thôn mới				75.210	34.848	36.317,0			
II.1	Dự án cấp huyện quản lý				73.260	32.898	25.071,5			
a	Dự án chuyển tiếp				57.660	17.298	7.136,5			
1	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Khun Há	Khun Há	2023-2025	4066/13.12.2022	10.400	3.120	1.844,681	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
2	Trụ sở làm việc Thị trấn Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	2023-2024	4063/12.12.2022			2.737,347	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
3	Đầu tư trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện	Thị trấn Tam Đường	2023-2025	4083/13.12.2022	13.000	3.900	1.031,662	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Lồng ghép MTQG NTM
4	Trung tâm Giáo dục - Thường xuyên	Bình Lư	2023-2025	4082/13.12.2022	6.500	1.950	332,157	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Lồng ghép MTQG NTM
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường QL4D - Tả Lềng-San Tra Mán, xã Tả Lềng	Tả Lềng	2023-2025	4065/13.12.2022	9.560	2.868	476,887	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Lồng ghép MTQG NTM
6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Bản Giang - Nùng Nàng và các công trình trên tuyến	Bản Giang, Nùng Nàng	2023-2025	4064/13.12.2022	18.200	5.460	713,762	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Lồng ghép MTQG NTM
b	Dự án khởi công mới năm 2025				15.600	15.600	17.935,0			
1	Đầu tư nâng cấp đường trục bản tại xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Giang Ma	2025	2621a/26.11.2024	1.500	1.500	1.500,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
2	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã Bản Bo	Bản Bo	2025	2574/20.11.2024	2.000	2.000	122,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
3	Xây dựng Nhà văn hóa bản Thống Nhất, xã Bình Lư, huyện Tam Đường	Bình Lư	2025	2620/26.11.2024	800	800	800,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Trường Mầm non trung tâm xã Bản Hòn, huyện Tam Đường	Bản Hòn	2025	2627/28.11.2024	4.000	4.000	4.000,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Nước sinh hoạt bản Phìn Ngan Lao Chải-Phìn Ngan Xin Chải	Tả Lèng	2025-2026	2620a/26.11.2024			4.213,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Lồng ghép vốn
6	Trường Mầm non trung tâm xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường	Hồ Thầu	2025	2622A/26.11.2024	7.000	7.000	7.000,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
7	Các công trình phụ trợ sân vận động xã Giang Ma	Giang Ma	2025	2623A/26.11.2024	300	300	300,0	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
II.2	Chưa phân bổ chi tiết						9.895,514			
II.3	Cấp xã quản lý				1.950	1.950	1.350,0			Cân đối ngân sách cấp xã
a	Xã Sơn Bình				900	900	300,0	UBND xã Sơn Bình	UBND xã Bình Lư (mới)	
b	Xã Nà Tăm				750	750	750,0	UBND xã Nà Tăm	UBND xã Bản Bo (mới)	
c	Thị trấn Tam Đường				300	300	300,0	UBND thị trấn Tam Đường	UBND xã Bình Lư (mới)	
III	Nguồn thu xổ số kiến thiết				1.695	1.695	1.695,0			B/S có mục tiêu NS cấp xã
1	Xã Tả Lèng				565	565	565,0	UBND xã Tả Lèng	UBND xã Tả Lèng (mới)	
2	Xã Nà Tăm				565	565	565,0	UBND xã Nà Tăm	UBND xã Bản Bo (mới)	
3	Xã Giang Ma				565	565	565,0	UBND xã Giang Ma	UBND xã Tả Lèng (mới)	

Biểu số 04



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THÀNH PHỐ LAI CHÂU ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
	TỔNG SỐ				201.600	201.600	72.411,51			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				47.600	47.600	20.817,0			
a	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025				38.000	38.000	11.217,0			
	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tà Chải - Trung Chải xã Sùng Phài	Sùng Phài	2021-2025	1239/02.8.2021	38.000	38.000	11.217,0	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
b	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025				9.600	9.600	9.600,0			
1	Nhà đa năng trường THCS Đông Phong	Đông Phong	2025	1253/19.11.2024	4.800	4.800	4.800,0	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Nhà đa năng trường THCS Tân Phong	Tân Phong	2025	1252/19.11.2024	4.800	4.800	4.800,0	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
II	Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác				140.000	140.000	38.462,0			
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025				140.000	140.000	38.462,0			
1	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Thắng	TP. Lai Châu	2021-2025	234/21.3.2022	140.000	140.000	35.807,0	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
2	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tà Chải - Trung Chải xã Sùng Phài	Sùng Phài	2021-2025	1239/02.8.2021			2.655,0	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn
III	Nguồn thu xổ số kiến thiết (bố trí để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới - tính bổ sung cho ngân sách thành phố)				0	0	565,0			

[Handwritten signature]



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025				0	0	565,0			
	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải xã Sùng Phài	Sùng Phài	2021-2025	1239/02.8.2021			565,0	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn
IV	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025				14.000	14.000	3.980,014			
a	Dự án đã phê duyệt quyết toán				14.000	14.000	74,139			
	Nhà lớp học và nhà hiệu bộ trường tiểu học Kim Đồng	Đông Phong	2023-2024	2241/24.11.2022	14.000	14.000	74,1	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
b	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025				0	0	3.905,9			
	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Thắng	TP. Lai Châu	2021-2025	234/21.3.2022			3.905,875	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn
V	Nguồn cân đối NS năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025				0	0	6.297,129			
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025				0	0	6.297,129			
	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Thắng	TP. Lai Châu	2021-2025	234/21.3.2022			6.297,129	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025				0	0	2.290,368			
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025				0	0	2.290,368			
	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Thắng	TP. Lai Châu	2021-2025	234/21.3.2022			2.290,368	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn



Biểu số 04.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ LAI CHÂU
ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	Tổng số				140.000	49.000	11.763,734			
	Nguồn vốn thu sử dụng đất				140.000	49.000	11.763,734			
	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng	TP Lai Châu	22-25	234/21.3.2022	140.000	49.000	11.763,734	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	

[Handwritten signature in blue ink]



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HUYỆN PHONG THỎ ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
	Tổng cộng				244.798	193.540	53.666,0			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				192.268	141.010	28.340,0			
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025				163.168	111.910	23.140,0			
1	Bổ sung cơ sở, vật chất trường Mầm non Hoa Ban	Thị trấn Phong Thổ	2023-2025	180/28.2.2023	7.000	7.000	2.756,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường PTDTBT TH Lán Nhi Thành	Lán Nhi Thành	2023-2025	179/28.2.2023	11.000	3.000	2.900,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép MTQG Giảm nghèo
3	Bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT THCS Nậm Xe, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Nậm Xe	2024-2025	788/02.5.2024	13.000	13.000	2.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Trường mầm non Ma Li Pho (giai đoạn 2)	Ma Li Pho	2024-2025	932/14.5.2024	4.500	4.500	2.500,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Sin Suối Hồ	2024-2025	789/02.5.2024	6.000	6.000	1.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
6	San gạt mặt bằng tạo quỹ đất đầu tư dự án sử dụng đất khu vực trung tâm xã Huổi Luông	Huổi Luông	2022	3598/14.12.2021	3.000	3.000	150,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
7	Nâng cấp, sửa chữa cấp nước sinh hoạt xã Sì Lờ Lầu	Sì Lờ Lầu	2022-2023	3602/14.12.2021	6.000	6.000	890,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

[Handwritten signature]



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số					Trong đó: NSDP
8	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT tiểu học Hoang Thèn (giai đoạn 2)	Hoang Thèn	2022-2024	3593/14.12.2021	10.500	10.500	71,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
9	Bổ sung cơ sở vật chất trường TH Nậm Xe	Nậm Xe	2022-2024	3595/14.12.2021	8.000	8.000	814,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
10	Nâng cấp đường GTNT TT xã - Ngải Trồ - Hoàng Liên Sơn II (giai đoạn 1)	Nậm Xe	2022-2024	3434/30.11.2021	13.500	13.500	840,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
11	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT TH Mù Sang, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Mù Sang	2024-2025	790/02.5.2024	9.000	9.000	1.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
12	Xây dựng khu vực tổ chức lễ hội Gầu Tào, xã Đào San	Đào San	2024-2025	2870/31.10.2023	2.500	2.500	1.300,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
13	Nhà văn hóa xã Hoang Thèn	Hoang Thèn	2024-2025	1602/04.7.2024	2.000	2.000	442,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
14	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Lân Nhì Thàng	Lân Nhì Thàng	2024-2025	2871/31.10.2023	10.000	10.000	467,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
15	Sửa chữa, nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, điện trang trí trung tâm huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Phong Thổ	2024-2025	238/15.3.2024	8.900	8.900	1.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
16	Bổ trí sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai bản Cấn Cầu - xã Sin Suối Hồ	Sin Suối Hồ	2022-2025	1735/03.8.2022; 1738/05.8.2024; 2286/01.11.2024	23.777	914	914,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
17	Sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An (bản Mán Tiễn) xã Bản Lang	Bản Lang	2023-2025	63/18.1.2023; 1739/05.8.2024;	24.491	4.096	4.096,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025				25.000	25.000	5.000,0			
	Bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT THCS Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ	Sin Suối Hồ	2024-2026	398/16.4.2024	25.000	25.000	5.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
c	Các dự án khởi công mới năm 2025				4.100	4.100	200,0			
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở xã Vàng Ma Chải	Vàng Ma Chải	2025	2532/02.12.2024	2.100	2.100	103,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở xã Mù Sang	Mù Sang	2025	2533/02.12.2024	2.000	2.000	97,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
II	Thu sử dụng đất				42.700	42.700	9.699,0			
a	Các dự án hoàn thành trước 31/12/2024				42.700	42.700	8.699,0			
1	XD Phòng học đa chức năng trường TH Khổng Lào	Khổng Lào	2021-2023	4489/07.12.2020	8.000	8.000	355,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Bổ sung cơ sở, vật chất trường Mầm non Hoa Ban	Thị trấn Phong Thổ	2023-2025	180/28.02.2023			1.022,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường TH&THCS số 1 Bản Lang	Bản Lang	2021-2023	4498/07.12.2020	9.000	9.000	603,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên bản Làng Vây 1 - bản Hoàng Trù Sào	Huổi Luông	2021-2023	4492/07.12.2020	8.500	8.500	475,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
5	Nâng cấp đường GTNT thị trấn Phong Thổ - trung tâm xã Huổi Luông (đoạn Thị trấn - Ngải Trồ) huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ; Huổi Luông	2021-2023	2351/13.10.2021	9.000	9.000	1.275,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
6	Đường GTNT bản Sảng Giang xã Bản Lang - bản Hoàng Liên Sơn 1 xã Nậm Xe	Bản Lang, Nậm Xe	2022-2024	3429/30.11.2021	7.000	7.000	2.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
7	Nâng cấp đường GTNT TT xã - Ngải Trồ - Hoàng Liên Sơn II (giai đoạn 1)	Nậm Xe	2022-2024	3434/30.11.2021			1.828,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn
8	San gạt mặt bằng tạo quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất khu vực trung tâm xã Đào San	Đào San	2022	3599/14.12.2021	1.200	1.200	842,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
9	Xây dựng khu vực tổ chức lễ hội Gầu Tào, xã Đào San	Đào San	2024-2025	2870/31.10.2023			299,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn

[Handwritten signature]



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025				0	0	1.000,0			
	Trường mầm non Ma Li Pho (giai đoạn 2)	Ma Li Pho	2024-2025	932/14.5.2024			1.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
III	Nguồn thu sở xố kiến thiết				1.130	1.130	1.130,0			
	Dự án khởi công mới 2025				1.130	1.130	1.130,0			
	Cấp nước sạch bản Sáo Pá, xã Lân Nhì Thàng, huyện Phong Thổ	Lân Nhì Thàng	2025	449/23.5.2025	1.130	1.130	1.130,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
IV	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024				8.700	8.700	14.497,0			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT TH Mù Sang, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Mù Sang	2024-2025	790/02.5.2024			550,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
2	Sửa chữa, nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, điện trang trí trung tâm huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Phong Thổ	2024-2025	238/15.3.2024			1.864,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
3	Xây dựng khu vực tổ chức lễ hội Gầu Tào, xã Đào San	Đào San	2024-2025	2870/31.10.2023			563,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
4	Xây dựng cơ sở vật chất trường mầm non Đào San, xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Đào San	2023-2024	2818/27.10.2023	4.700	4.700	210,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm hội nghị huyện Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Phong Thổ	2024-2025	240/15.3.2024	4.000	4.000	1.906,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
6	Bổ sung cơ sở, vật chất trường Mầm non Hoa Ban	Thị trấn Phong Thổ	2023-2025	180/28.02.2023			1.500,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
7	Bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT THCS Nậm Xe, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Nậm Xe	2024-2025	788/02.5.2024			5.476,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
8	Trường mầm non Ma Li Pho (giai đoạn 2)	Ma Li Pho	2024-2025	932/14.5.2024			201,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
9	Bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Sin Suối Hồ	2024-2025	789/02.5.2024			2.000,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
10	Xây dựng khu vực tổ chức lễ hội Gầu Tào, xã Đào San	Đào San	2024-2025	2870/31.10.2023			227,0	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HUYỆN Sìn HỒ ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: Vốn NSDP				
	TỔNG SỐ				246.723	133.183	54.635,1			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				100.309	86.928	29.843,0			
	Dự án chuyển tiếp				100.309	86.928	29.843,0			
1	Đường từ trung tâm xã đến bản Phi Ến, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Tủa Sín Chải	2022-2024	830a/20.4.2022	38.909	38.909	5.154,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
2	Đường từ bản Hồng Thử Háng Lìa đến bản Tia Chí Lư, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Tủa Sín Chải	2022-2024	822a/20.4.2022	34.500	34.500	18.108,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
3	Đường Từ Ha Vu Chử đến bản Thà Giàng Phỏ, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Tủa Sín Chải	2022-2024	835a/20.4.2022	10.000	10.000	3.595,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
4	Đường từ Làng Sảng - Tả Thàng - Hồng Thu Chồ, xã Hồng Thu	Hồng Thu	2024-2025	2290/29.12.2023; 531/09.5.2025			240,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vốn
5	Nâng cấp đường từ TT xã đến bản Nậm Béo, xã Pu Sam Cáp, huyện Sìn Hồ	Pu Sam Cáp	2024-2025	2288/29.12.2023; 534/09.5.2025			500,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vốn
6	Nâng cấp đường từ TL129 - Nà Ké 2 - Trung Sung A - Hồng Thu Chồ	Hồng Thu	2024-2025	2291/29.12.2023; 532/09.5.2025			242,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vốn
7	Nâng cấp đường vào bản Seo Phìn, xã Nậm Cha	Nậm Cha	2024-2025	2287/29.12.2023	2.000	100	100,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư bản Huổi Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Nậm Hăn	2022-2025	1795/05.8.2022; 1416/15.11.2024	14.900	3.419	1.904,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
II	Nguồn vốn thu sử dụng đất				14.990	14.990	4.000,0			
a	Dự án hoàn thành đã quyết toán				14.990	14.990	128,3			

Handwritten signature in blue ink.



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: Vốn NSDP				
	Nâng cấp đường ngã ba UBND huyện đến ngã ba Trung tâm y tế, huyện Sin Hồ	Thị trấn Sin hồ	2021-2022	868a/20.10.2020	14.990	14.990	128,332	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
b	Chưa phân bổ chi tiết						3.871,7			
III	Nguồn xố số kiến thiết						1.130,0			
	Chưa phân bổ chi tiết						1.130,0			
IV	Nguồn vốn chuyển nguồn dự toán ngân sách huyện năm 2024 sang năm 2025 (Tăng thu, tiết kiệm chi)				125.424	28.265	18.462,3			
1	Đường từ bản Nậm Tân Mông 1 đến bản Lồng Thàng, xã Pa Tần, huyện Sin Hồ	Pa Tần	2022-2025	815a/20.4.2022	9.938	9.938	4.724,978	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Thủy lợi bản Lồng Thàng, xã Pa Tần, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu	Pa Tần	2022-2025	800a/20.4.2022	7.000	7.000	4.942,826	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Đường giao thông vùng quế các xã Nậm Hăn, Nậm Cuối Cấn Co,.. huyện Sin Hồ	Nậm Hăn, Nậm Cuối Cấn Co,..	2022-2025	1820/05.8.2022	2.405	2.405	855,083	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Đường từ Làng Sàng - Tà Thàng - Hồng Thu Chồ, xã Hồng Thu	Hồng Thu	2024-2025	2290/29.12.2023; 531/09.5.2025	14.977	2.377	2.136,534	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Nâng cấp đường từ TT xã đến bản Nậm Béo, xã Pu Sam Cáp, huyện Sin Hồ	Pu Sam Cáp	2024-2025	2288/29.12.2023; 534/09.5.2025	13.260	1.260	760,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Nâng cấp đường từ TL129-Nà Kề 2 - Trung Sung A - Hồng Thu Chồ, xã Hồng Thu, huyện Sin Hồ	Hồng Thu	2024-2025	2291/29.12.2023; 532/09.5.2025	10.913	913	670,846	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
7	Đường xuống bến Huổi Pha 1,2 xã Nậm Hăn huyện Sin Hồ	Nậm Hăn	2022-2025	1813/05.8.2022; 540/09.5.2025	6.360	110	110,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Nâng cấp đường Nậm Há-Nậm Béo, xã Pu Sam Cáp, huyện Sin Hồ	Pu Sam Cáp	2022-2025	1799/05.8.2022; 1424/15.11.2024; 536/09.5.2025	13.420	620	620,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
9	Đường từ Nậm Ngập đến Seo Phìn, xã Nậm Cha, huyện Sin Hồ	Nậm Cha	2022-2025	1822/05.8.2022; 1422/15.11.2024; 539/09.5.2025	12.089	1.580	1.580,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
10	Đường Huổi Lá-Quỳnh Nhai xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Nậm Hăn	2022-2025	1821/05.8.2022; 1420/15.11.2024; 537/09.5.2025	18.460	460	460,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS

[Handwritten signature]



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: Vốn NSDP				
11	Đường Đèn Thàng - Nậm Pê, xã Nậm Cha, huyện Sìn Hồ	Nậm Cha	2022-2025	1792/05.8.2022; 1418/15.11.2024; 538/09.5.2025	10.320	1.320	1.320,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
12	Cầu treo Na Sái-Nậm Há, xã Noong Hèo, huyện Sìn Hồ	Noong Hèo	2022-2025	1814/05.8.2022; 1417/15.11.2024; 541/09.5.2025	6.282	282	282,0	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
V	Nguồn viện trợ của Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)				6.000	3.000	1.199,802			
	Xây dựng nhà ở Bán trú cho học sinh, công trình phụ trợ Trường PTDTBT Trung học cơ sở Tà Ngáo	Tà Ngáo	2024-2025	1273/07.10.2024	6.000	3.000	1.199,802	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 CỦA HUYỆN SÌN HỒ
ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	Tổng số				52.300	13.579	8.856,486			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				36.000	1.179	283,450			
	Đường liên bản Thành Chử xã Tủa Sín Chải	Tủa Sín chải	2021-2023	941/01.9.2021	36.000	1.179	283,450	Ban QLDA huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
II	Nguồn vốn chuyển nguồn dự toán ngân sách huyện năm 2023 sang năm 2024 (Tăng thu, tiết kiệm chi)				16.300	12.400	8.573,036			
1	Bổ sung các hạng mục Trường Mầm non trung tâm xã Nậm Mạ	Nậm Mạ	2023-2025	1297/10.10.2024	1.800	900	225,864	Ban QLDA huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Xây dựng nhà ở Bán trú cho học sinh, công trình phụ trợ Trường PTDTBT Trung học cơ sở Tả Ngáo	Tả Ngáo	2024-2025	1272/07.10.2024	6.000	3.000	1.308,302	Ban QLDA huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Cải tạo Trung tâm hội nghị huyện (Nhà khách UBND huyện Sìn Hồ cũ)	Thị trấn	2024-2025	1273/07.10.2024	8.500	8.500	7.038,870	Ban QLDA huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	

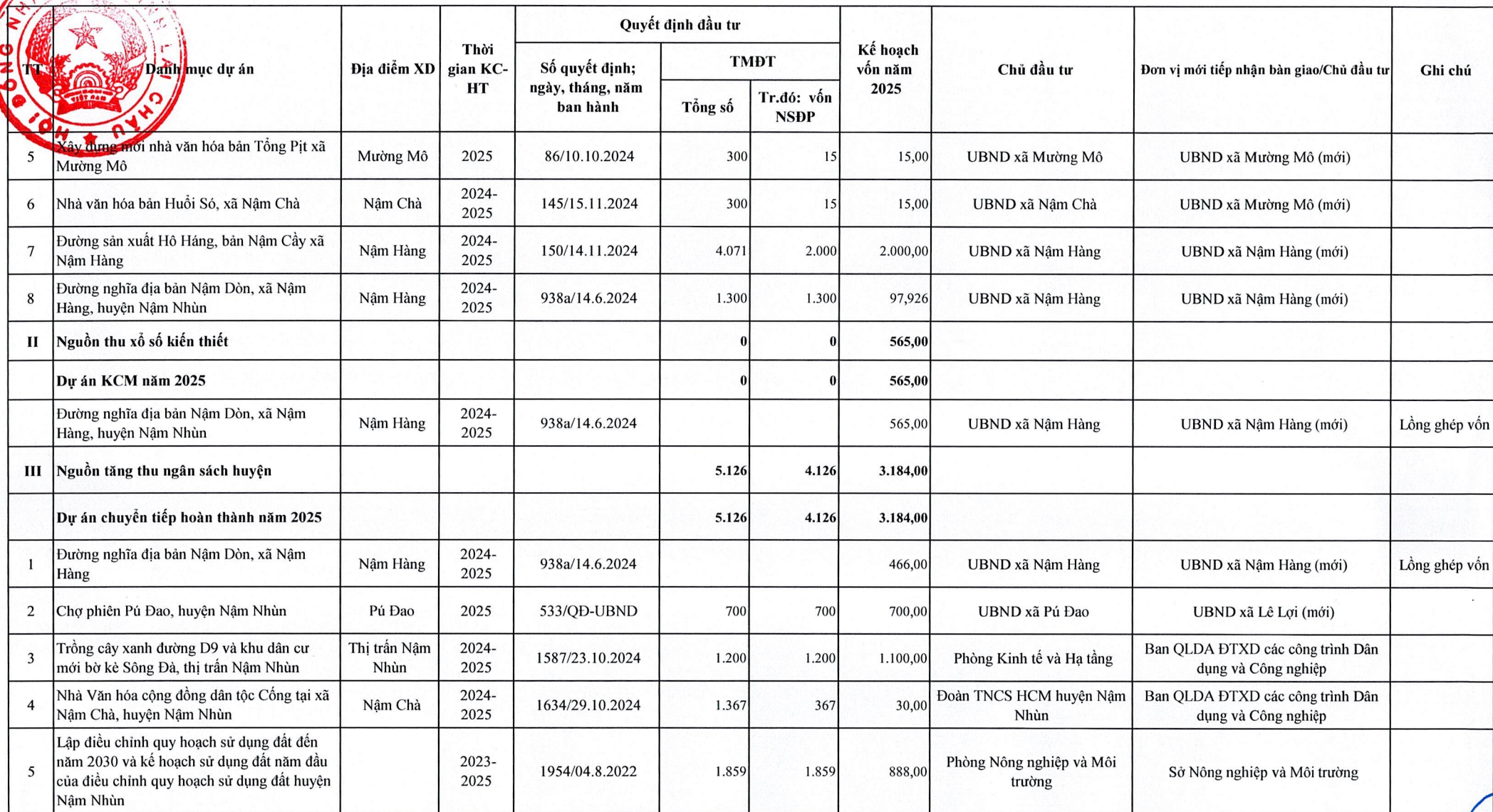


KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HUYỆN NAM NHÙN ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: vốn NSDP				
	TỔNG SỐ				83.897	50.351	22.559,00			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				78.771	46.225	18.810,0			
a	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024				12.900	12.615	3.642,20			
1	Nhà văn hóa bản Pá Đôn xã Nậm Pì	Nậm Pì	2024	01/05.01.2024	300	15	11,744	UBND xã Nậm Pì	UBND xã Lê Lợi (mới)	
2	Hạ tầng khu đất đấu giá quyền sử dụng đất thương mại và dịch vụ tại thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	2021	1449/28.10.2019	3.300	3.300	72,119	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Đường nội thị thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	2022-2023	1223 26/12/21	9.300	9.300	3.558,338	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025				38.500	8.880	395,81			
1	Sắp xếp ổn định dân cư bản Ma Sang, xã Nậm Pì	Nậm Pì	2022-2025	1987/10.8.2022; 1771/27.11.2024	20.000	4.615	165,812	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
2	Sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Van xã Nậm Hàng	Nậm Hàng	2022-2025	1965/05.8.2022 1770/27.11.2024	18.500	4.265	230,00	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
c	Dự án KCM năm 2025				27.371	24.730	14.771,99			
1	Trụ sở làm việc thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	2023-2025	2445/06.12.2022	10.000	10.000	2.544,695	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non xã Nậm Manh	Nậm Manh	2024-2025	1963/29.11.2023	5.000	5.000	3.781,434	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Nhà văn hóa tổ dân phố Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	2024-2025	2039/16.12.2024	3.500	3.500	3.500,00	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Thủy lợi Nà Mi, tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	2024-2025	2028/16.12.2024	2.900	2.900	2.817,932	Ban QLDA các công trình XDCB huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	



Biểu số 07.1



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 CỦA HUYỆN NẬM NHÙN
ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số **56** /NQ-HĐND ngày **23** tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	Tổng số				5.400	5.350	4508,171			
	Nguồn tăng thu ngân sách huyện				5.400	5.350	4508,171			
1	Xây dựng trận địa súng máy phòng không 12,7mm, huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	2024-2025	199/22.10.2024	1.400	1.400	700	Ban Chỉ huy quân sự huyện Nậm Nhùn	Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 2 Bùn Tở	
2	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tỷ lệ 1/500	Nậm Nhùn	2024-2025	1782/29.11.2024	4.000	3.950	3808,171	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND xã Nậm Hàng (mới)	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HUYỆN MƯỜNG TÊ ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HDND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số					Tr.đó: Vốn NSDP
	TỔNG SỐ				297.743	128.074	39.047,77			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				230.716	76.144	27.335,0			
a	Dự án hoàn thành đã quyết toán				121.741	5.992	3.574,27			
1	Hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Là Pê 1, 2 Xã Tá Bạ, huyện Mường Tê (GD II)	H. Mường Tê	2017-2018	2490/05.8.2024	2.561	880	879,60	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tê	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
2	Phụ trợ trường Tiểu học xã Pa Ủ	Pa Ủ	2016-2017	2799/08.10.2019	4.936	231	230,80	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tê	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
3	Nhà bán trú học sinh trường PTDT bán trú Tà Tổng (Điểm Cao Chải) xã Tà Tổng	Tà Tổng	2020-2020	1219/17.8.2021	5.880	225	225,00	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tê	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
4	Đường giao thông nông thôn bản Ka Lăng - Là Sĩ, xã Thu Lũm, huyện Mường Tê	Ka Lăng, Thu Lum	2010-2021	798A/15.6.2023	99.728	455	454,70	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tê	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
5	Hạ tầng sắp xếp dân cư Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tê	Can Hồ	2019-2020	1677/29.9.2021	4.000	391	390,90	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tê	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
6	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa trung tâm xã Bum Nưa, huyện Mường Tê	Bum Nưa	2023-2023	2623/28.11.2022	2.500	1.675	476,00	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tê	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG NTM
7	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính xã Tà Tổng, huyện Mường Tê	Tà Tổng	2018-2019	1996/26.10.2018	224	224	14,624	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị huyện Mường Tê	UBND xã Tà Tổng	
8	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính xã Pa Ủ, huyện Mường Tê	Pa Ủ	2018-2019	1998/26.10.2018	189	189	185,573	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị huyện Mường Tê	UBND xã Pa Ủ (mới)	

[Handwritten signature]

<

Được



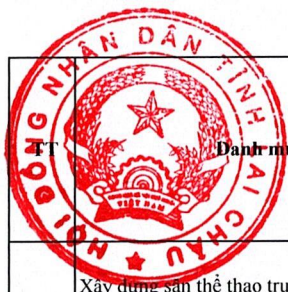
Đánh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số	Tr.đó: Vốn NSDP					
4	Bổ sung các hạng mục trường mầm non Bum Tờ, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Bum Tờ	2023-2024	2029/22.9.2022	850	850	37	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
5	Hạng mục phụ trợ Huyện ủy, HĐND - UBND huyện Mường Tè	Thị trấn	2023-2025	2822/30.11.2023	1.600	1.100	1.100	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
6	Lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến Huyện ủy, phòng họp trụ sở HĐND - UBND huyện Mường Tè	Thị trấn	2023-2025	2814A/29.11.2023	1.300	722	722	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
7	Hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Pa Vệ Sủ huyện Mường Tè	Pa Vệ Sủ	2023-2025	2821/30.11.2023	1.150	650	650	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
d	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025				14.500	14.500	8.414			
1	Kè chống sạt lở + Cầu điểm sắp xếp dân cư bản Mù Su xã Mù Cà, huyện Mường Tè	Mù Cà	2024-2026	2570/30.10.2023	7.000	7.000	4.000	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
2	Nâng cấp trường tiểu học thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	2024-2026	577/20.02.2024	7.500	7.500	4.414	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
e	Dự án khởi công mới năm 2025				485	485	482,73			
	Quy hoạch chi tiết nghĩa trang Nhân dân thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Bum Tờ	2025-2026	3730/25.11.2024	485	485	482,732	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị huyện Mường Tè	UBND xã Bum Tờ (mới)	
f	Lồng ghép thực hiện các chương trình MTQG				56.340	19.095	9.395,00			
1	Trường PTDT bán trú THCS Thu Lũm	Thu Lũm	2022-2024	2026/22.9.2022	6.000	1.798	298	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG giảm nghèo
2	Trường PTDT bán trú Tiểu học Thu Lũm	Thu Lũm	2022-2024	2025/22.9.2022	4.000	498	98	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG giảm nghèo
3	Bổ sung các phòng học mầm non trên địa bàn huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2022-2024	2036/26.9.2022	6.000	957	157	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG giảm nghèo
4	Nâng cấp hệ thống phòng học và phụ trợ các trường Tiểu học trên địa bàn các xã Mường Tè, Bum Nưa, Thu Lũm, huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2022-2024	2037/26.9.2022	7.000	588	88	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG giảm nghèo

Chữ ký



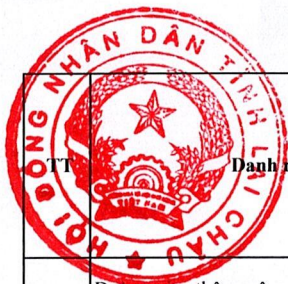
TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: Vốn NSDP				
5	Nhà lớp học bộ môn trường THCS xã Mường Tè	Mường Tè	2022-2024	1686/05.8.2022	4.500	1.314	314	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG giảm nghèo
6	Đường đến điểm ĐCĐC Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Can Hồ	2022-2024	1695/08.8.2022	8.340	4.340	840	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	Lồng ghép MTQG DTTS
7	Đường giao thông bản Pa Thắng - bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Thu Lũm	2023-2025	397/29.3.2023	20.500	9.600	7.600	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	Lồng ghép MTQG DTTS
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				18.907	18.118	1.537,00			
a	Kinh phí đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và kiểm kê đất đai				15.907	15.907	1.450			
1	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2020	904/03.6.2020	3.011	3.011	364,7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2	Quy hoạch sử dụng đất đến giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2020	775/27.4.2020	2.211	2.211	114,5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Thống kê đất đai năm 2020 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2021	228/03.4.2021	120	120	92,8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
4	Thống kê đất đai năm 2021 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2022	2198a/02.12.2021	175	175	174,7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Thống kê đất đai năm 2022 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2023	2779/30.12.2022	117	117	116,3	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Thống kê đất đai năm 2023 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2024	3095/29.12.2023	136	136	135,5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Can Hồ, huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2024-2025	1004/15.3.2024	10.139	10.139	451,5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
b	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				3.000	2.211	87,00			

Chữ ký



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Tr.đó: Vốn NSDP				
	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Can Hồ	Can Hồ	2022-2024	1993/19.9.2022	3.000	2.211	87	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
III	Vốn đầu tư từ nguồn số xổ kiến thiết						565,00			
1	Bổ trí để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng NTM						565,00			
2	Xã Can Hồ	Can Hồ					565,00	UBND xã Can Hồ	UBND xã Bum Tở (mới)	Bổ sung có mục tiêu có NSX
IV	Vốn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025				48.120	33.812	9.610,77			
a	Dự án hoàn thành đã quyết toán				15.900	3.109	479,00			
1	Nhà lớp học tiểu học điểm ĐCDC Sính Sỉ, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	Tà Tổng	2018	159A/14.3.2018	1.500	125	124,00	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
2	San gạt mặt bằng làm nhà ở + thoát nước môi trường điểm ĐCDC Sính Sỉ xã Tà Tổng	Tà Tổng	2013-2014	2641/24.10.2012	2.000	60	60,00	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
3	Đường giao thông nông thôn (điểm đầu từ cửa suối Km0+00 - đến điểm cuối bản Huổi Chát Km5+107,71), bản Huổi Héo, xã Nậm Mạnh	Nậm Mạnh	2010	2556/29.10.2015	1.944	1.123	100,00	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
4	Nâng cấp thủy lợi Láng Phiu bản Nậm Khao	Nậm Khao	2019-2020	192a/31.10.2018	4.900	170	10,00	UBND xã Nậm Khao	UBND xã Mường Tè (mới)	
5	Sửa chữa, nâng cấp đường vào bản Tà Phìn, xã Bum Tở	Bum Tở	2018-2019	126/27.9.2017	5.000	1.300	163,00	UBND xã Bum Tở	UBND xã Bum Tở (mới)	
6	Hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn Chương trình MTQG xây dựng NTM các bản (Huổi Han, Huổi Y Mầu) xã Bum Tở	Bum Tở	2019-2020	17/24.01.2019	556	331	22,00	UBND xã Bum Tở	UBND xã Bum Tở (mới)	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025				32.020	30.503	7.373,00			
1	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa trung tâm xã Bum Nưa	Bum Nưa	2023-2025	2623/28.11.2022			562,00	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép vốn

Phạm Văn Hùng



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số					Tr.đó: Vốn NSDP
2	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất Nậm Lọ xã Can Hồ	Can Hồ	2022-2024	277/29.9.2022	2.500	1.500	1.278,00	UBND xã Can Hồ	UBND xã Bum Tờ (mới)	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị, thị trấn Mường Tè	Thị trấn	22-25	628/02.4.2021	28.000	27.483	4.920,00	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	
4	Hạng mục nhà vệ sinh, nhà văn hóa xã Mường Tè, huyện Mường Tè	Mường Tè	2023-2025	2625/06.11.2023	320	320	215,00	UBND xã Mường Tè	UBND xã Mường Tè (mới)	
5	Hỗ trợ Nhà văn hóa, công trình phụ trợ bản Bó, xã Mường Tè	Mường Tè	2023-2025	2819/30.11.2023	1.200	1.200	398,00	UBND xã Mường Tè	UBND xã Mường Tè (mới)	
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025				0	0	618,77			
	Nâng cấp trường tiểu học thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	2024-2026	577/20.02.2024			618,77	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	Lồng ghép vốn
d	Dự án khởi công mới năm 2025				200	200	1.140			
1	Hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Pa Vệ Sủ	2025-2026	999/16.5.2025			950	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn
2	Hạng mục phụ trợ điểm trường mầm non bản Ló Mế, xã Tá Bạ	Tá Bạ	2025-2026	998/16.5.2025	200	200	190	Ban QLCTDA phát triển KT-XH huyện Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 CỦA HUYỆN MƯỜNG TÈ
ĐIỀU CHỈNH VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số **56** /NQ-HĐND ngày **23** tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	Tổng số				23.870	2.800	1.533,044			
I	Nguồn XDCB tập trung (Bổ sung cân đối cấp huyện theo tiêu chí định mức tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND tỉnh)				20.870	2.100	1.504,141			
1	Bổ sung HMPT điểm trường bản Nà Phây, trường PTDT bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở xã Vàng San, huyện Mường Tè	Vàng San	2022-2024	2028/22.9.2022	370	100	9,498	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Đường giao thông bản Pa Thắng - bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Thu Lũm	2023-2025	397/29.3.2023	20.500	2.000	1.494,643	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép MTQG DTTS
II	Vốn thu sử dụng đất				3.000	700	28,903			
	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Can Hồ	Can Hồ	2022-2025	1993/19.9.2022	3.000	700	28,903	Ban QL công trình dự án phát triển KT-XH huyện	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

[Handwritten signature]



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ GIAO CẤP HUYỆN LÀ CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVTV: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP				
A	NGUỒN CHI XDCB TẬP TRUNG VỐN TRONG NƯỚC CẤP HUYỆN LÀ CHỦ ĐẦU TƯ				169.900	169.900	92.792			
I	Vốn bố trí cho các dự án sau Quyết toán						8.044			
1	San gạt mặt bằng và Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 6 thị xã Lai Châu (Giai đoạn I)	TP Lai Châu	2008-2009	691/26.5.2008	39.500	39.500	3.978	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Đường Phìn Hồ - Phong Thổ, huyện Sìn Hồ	huyện Sìn Hồ, Phong Thổ	2001-2006	839/18.11.1997	87.000	87.000	998	Ban QLDA huyện Sìn Hồ	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	
3	Đường Mường Tè - Pa Ủ, huyện Mường Tè	huyện Mường Tè	2002-2015	1250/02.8.2002	159.359	159.359	3.068	Ban QL công trình dự án phát triển KTXH Mường Tè	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	
II	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				80.000	80.000	57.761			
1	Nâng cấp tuyến đường Nậm Sô - Ui Đạo - Ui Thái - Khau Hóm - Nà Ui xã Nậm Sô	huyện Tân Uyên	2024-2025	826/06.6.2024	55.000	55.000	41.311	Ban QLDA xây dựng cơ bản và Hỗ trợ bồi thường di dân Tái định cư huyện Tân Uyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	
2	Đường quảng trường trung tâm huyện Nậm Nhùn (giai đoạn 3)	huyện Nậm Nhùn	2024-2025	209/07.3.2024	25.000	25.000	16.450	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	
3	Hạ tầng kỹ thuật khối cơ quan, khu dân cư, khu công cộng thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	huyện Mường Tè	2024-2026	2069/14.11.2023	50.000	50.000	15.000	Ban QL công trình dự án phát triển KTXH Mường Tè	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
III	Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030				11.625	11.625	3.018		Ban QLDA ĐT XD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
a	Huyện Than Uyên				2.325	2.325	756			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				2.325	2.325	756			
	Đường giao thông vùng trồng cây gỗ lớn các xã Mường Mít, Ta Gia,... huyện Than Uyên	Các xã: Mường Mít, Ta Gia	2023-2025	1760/04.8.22	2.325	2.325	756	BQLDA Đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐT XD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
b	Huyện Tân Uyên				2.325	2.325	155			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				2.325	2.325	155			
	Đường giao thông vùng trồng cây gỗ lớn các xã Nậm Cắn, Tà Mít,... huyện Tân Uyên	Các xã: Nậm Cắn, Thân Thuộc,...	2023-2025	676/17.6.22	2.325	2.325	155	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐT XD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
c	Huyện Sìn Hồ				3.875	3.875	1.100			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				3.875	3.875	1.100			

[Handwritten signature]



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2025	Chủ đầu tư	Đơn vị mới tiếp nhận bàn giao/Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
					Tổng số					Trong đó: vốn NSDP
	Đường giao thông vùng trồng cây gỗ lớn các xã Nâm Hân, Nâm Cuối, Căn Co,... huyện Sin Hồ	Các xã: Nâm Hân, Nâm Cuối, Căn Co,...	2023-2025	2576/25.11.22	3.875	3.875	1.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
d	Huyện Nậm Nhùn				3.100	3.100	1.007			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025				3.100	3.100	1.007			
	Đường giao thông vùng quê, cây gỗ lớn xã Nậm Manh	Xã Nậm Manh	2023-2025	2425/01.12.2022	3.100	3.100	1.007	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
IV	Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung				78.275	78.275	23.969		Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
a	Huyện Tân Uyên				20.150	20.150	5.957			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				20.150	20.150	5.957			
1	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	2023-2025	677/17.6.22	12.400	12.400	4.030	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Pắc Ta	Xã Pắc Ta	2023-2025	678/17.6.22	7.750	7.750	1.927	Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện Tân Uyên	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
b	Huyện Tam Đường				2.325	2.325	156			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				2.325	2.325	156			
	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Bình Lư	Xã Bình Lư	2023-2025	2465/11.7.22	2.325	2.325	156	Ban QLDA huyện Tam Đường	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
c	Huyện Phong Thổ				38.750	38.750	12.393			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				38.750	38.750	12.393			
1	Đường giao thông vùng cây ăn quả huyện Phong Thổ	Các xã: Bàn Lang, Nậm Xe, Huổi Luông, Ma Ly Pho, Lán Nhi Thàng	2023-2025	3161/30.11.22	21.700	21.700	6.952	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Đường giao thông vùng liên kết sản xuất tập trung huyện Phong Thổ	Các xã: Hoang Thèn, Huổi Luông, Ma Ly Pho	2023-2025	3162/30.11.22	17.050	17.050	5.441	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
d	Huyện Sin Hồ				9.300	9.300	2.944			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				9.300	9.300	2.944			
	Đường giao thông vùng cây ăn quả huyện Sin Hồ	Xã Nậm Tăm,...	2023-2025	2575/25.11.22	9.300	9.300	2.944	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
e	Huyện Nậm Nhùn				7.750	7.750	2.519			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				7.750	7.750	2.519			
	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Mường Mô	Xã Mường Mô	2023-2025	2424/01.12.22	7.750	7.750	2.519	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

Chữ ký